TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Gấm;

2. Bà Nguyễn Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuân, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 385/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nghiêm Thị T, sinh năm 1985; thường trú: Ấp Đ T, xã T H, huyện Ph, tỉnh Bình Phước. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Văn L, sinh năm 1964; thường trú: Số 167A/4 khu phố B Đ 3, phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

** Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người làm chứng:* Bà Hà Thị B, sinh năm 1967; thường trú: Xã N Nr, huyện Đ S, tỉnh Bình Phước; tạm trú: Khu phố S Đ, phường T X, thị xã Đ X, tỉnh Bình Phước. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nghiêm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nghiêm Thị T và anh Trịnh Văn L sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 110/2016 ngày 23/12/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T sinh sống tại số nhà 167A/4 khu phố B Đ 3, phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu chị T và anh L sống rất hạnh phúc. Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng không thể hòa hợp được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay. Vì vậy chị Nghiêm Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Văn L.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Chị Nghiêm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị Nghiêm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình tố tụng, bị đơn anh Trịnh Văn L đã được Tòa án thông báo thụ lý, triệu tập tham gia tự khai vào ngày 09/5/2018; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 01/6/2018; tham gia phiên tòa vào các ngày 29/6/2018 và ngày 17/7/2018, nhưng anh Trịnh Văn L vắng mặt không có lý do.

- *Người làm chứng bà Hà Thị B trình bày:* Bà Hà Thị B là mẹ ruột của chị Nghiêm Thị T, bà B biết giữa chị T và anh L có mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng, thường xuyên cãi vả nhau, chị T đã sống ly thân với anh L từ tháng 4/2017 cho đến nay.

- Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An ngày 11/5/2018 tại UBND phường A B, thị xã D A thể hiện: Hội Liên hiệp phụ nữ phường A B không tiếp nhận thông tin từ cơ sở phản ánh về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nghiêm Thị T và anh Trịnh Văn L, đồng thời không tiếp nhận đơn yêu cầu hòa giải về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, chị T và anh L có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã mâu thuẫn trong một thời gian dài, không thể hàn gắn. Do đó, chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh L là có căn cứ. Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ các Điều

51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện khởi kiện: Chị Nghiêm Thị T khởi kiện anh Trịnh Văn L về việc yêu cầu được ly hôn nên đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Trịnh Văn L có đăng ký thường trú tại số 167A/4 khu phố B Đ 3, phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nghiêm Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Trịnh Văn L được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ 02 lần vào các ngày 29/6/2018 và ngày 17/7/2018 nhưng đều vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nghiêm Thị T và anh Trịnh Văn L là vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 110/2016 ngày 23/12/2016 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau và yêu cầu được ly hôn. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh Trịnh Văn L đến làm việc nhưng anh L đều vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, anh L cũng không có văn bản nào thể hiện thiện chí đưa ra phương pháp hàn gắn mối quan hệ giữa anh và chị T, hơn nữa chị T và anh L sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay nên có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chị T và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung, nợ chung: Chị Nghiêm Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí ly hôn: Chị Nghiêm Thị T phải chịu án phí theo quy định của của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nghiêm Thị T đối với bị đơn anh Trịnh Văn L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nghiêm Thị T được ly hôn với anh Trịnh Văn L (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 110/2016 do Ủy ban nhân dân phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương cấp ngày 23/12/2016).

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nghiêm Thị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nghiêm Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019243 ngày 13/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Ngọc Công